

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE



# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

*Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richard, Hanoi*

## 慧 燭 報

Chủ nhiệm  
NGUYỄN-NANG-QUOC  
Chủnh hội trưởng  
hội Phật-Giáo  
Quản lý  
CUNG-DINH-BINH

Chủnh chủ bút  
PHAN-TRUNG-TIÊU  
Sư cụ chùa Bằng-Số

Phó chủ bút  
DUONG-VAN-KIỆM  
Sư cụ chùa Tô-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

## Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào đổi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

## Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho thập phương thiện tín cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

## Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

## BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vậy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 20 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đây.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-đình-Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

## DŨNG-MÃNH, TINH-TIẾN

**D**ŨNG-MÃNH và *ting-tiến* là hai đức-tính rất quý trong đạo Phật và là hai đức-tính rất cần-thiết của hết thảy mọi người ở đời. Nhất là những người có chí lớn, muốn làm việc.

*Dũng-mãnh* là cái đức mạnh-bạo, can-dảm, hăng-hái, quả-quyết để thực-hành lấy chí-nguyện của mình. Đã quả-quyết thực-hành thì việc dù khó-khăn, khổn-đốn, nguy-biễm cũng không từ, gặp khi phải hi-sinh đến phần riêng gì của mình cũng không tiếc. Có khi phải hi-sinh đến tính-mệnh cũng coi là một việc tất nhiên.

*Tinh-tiến* là cái đức tính gan-bền, siêng-năng, càng ngày càng lo làm cho đức-nghiệp của mình thêm tấn-lợi, thêm tinh-mỹ, mà không hề có lúc nào gián-đoạn, trễ-nải, trán-nản để cho đức-nghiệp của mình suy kém đi.

Xưa nay việc đạo việc đời, các đấng Thành Hiền Hào-khiết để công-nghiệp trong doanh hoàn, các kẻ thiện-nhân lưu ơn-huệ trong thôn xóm, tuy lực-lượng có lớn nhỏ khác nhau, thì sự-nghiệp rộng hẹp không cùng nhau, nhưng cũng đều là những người có đủ cả hai cái đức tính *dũng-mãnh, tinh-tiến* ấy. Trái lại nếu người nào thiếu mất hai đức tính ấy, quyết nhiên không làm nên được việc gì bao giờ.

Bởi vậy trong đạo Phật rất chú trọng về hai cái đức tính *dũng-mãnh* và *ting-tiến* ấy. Cũng do đạo Phật là một đạo bao-la rất rộng, lý-thù rất cao, đạo-đức cứu-cánh, tu-học gian-nan, nếu người theo đạo mà không hoàn-toàn có đủ hai cái đức tính ấy thì quyết không theo cho tới cõi đạo được. Thế cho nên trong đạo Phật thời thường nhắc nhở đến và đặt ra nhiều phương pháp để cho kẻ theo đạo tự mình tu-luyện cho hai cái đức tính *dũng-mãnh, ting-tiến* ấy được phát đạt và hoàn-toàn.

Nay muốn chứng dẫn cái gương sáng về hai đức tính *dũng-mãnh, tinh-liễn* ấy, và nhất là cái gương sáng trời-đội của sự thành công bởi hai đức tính ấy, thì không gì bằng đọc lại lịch-sử cầu đạo và truyền-gáo của Đức Phật-lão cùng các đấng Tồ-sư trong đạo Phật.

Đức Phật-lão, xưa đang là một vị Thái-lữ thiếu-niên anh-tử n, tôn-vinh sung-sướng nhất đời. Thế mà quyết bỏ ngôi sang, dứt bẽ tinh-ái, một mình vào nơi non cao rừng vắng để tìm đạo. Trải bao đói rét chẳng nề, nắng rã mưa râu chẳng quản. Đó không phải là do Ngài tự có cái đức *dũng-mãnh* lớn lao lắm mới như thế được ư?

Kể đó khi Tuyết-son lúc Hằng-hà, dư sáu năm kham-khở, quanh-biu để tìm đạo mà nào thấy đạo. Nào cái tu-tướng chán đời vị kỷ, nào cái lối tu khổ-hạnh diệt-thân của phái cụu-giáo, khiến cho Ngài thân hầu tàn mà lòng càng thêm bối rối, nơi bề-dề giác-ngạn chưa biết ở ngã nào. Nếu lúc bấy giờ Ngài hơi ngã lòng một chút thì bao nhiêu công lao xưa đều như mây tan, mà chi-nguyện nợ cũng chỉ là một cơn huyễn mộng. Nhưng ngài lại càng phẫn-chấn, thế một mình suy tìm cho thấy chính-giác mới thôi. Đó không phải là do Ngài tự có cái đức *tinh-liễn* kiên-cường lắm mới như thế được ư?

Còn các vị Tồ-sư thì như Tồ Đạt-ma vượt bể sang nước Chấn-đán, suốt 6 năm chỉ ngồi trống vào vách nơi rồi truyền được y-bát cho cõi Á-đông. Tồ Huyền-trang, Tồ Pháp-hiền đi bộ từ Trung-quốc qua bể cát Đại-lưu-xa, vượt núi Tuyết-son sang Thiên-túc, học kinh cầu pháp để đem về cho quốc-thổ mình. Lại tự tay truyền dịch bao nhiêu kinh sách để hoằng-hóa cho đời. Các Tồ nếu không hoàn-toàn đủ cả hai cái đức tính *dũng-mãnh, tinh-liễn* ấy thì sao có thành được những việc công-đức lớn-lao gian-nan như thế.

Ấy đối với Đức Phật-lão, với các vị Tồ-sư như trên đã kể, vì các Ngài đều là đấng bảm-sinh khác với tuyệt thế, hai cái đức tính *dũng-mãnh, tinh-liễn* tự-nhiên phát-dạt hoàn-toàn đều nhau. Nhưng đối với những bậc căn-khí thông-thường như chúng ta thì lại thấy cái đức tính *tinh-liễn* còn quan-hệ hơn cái đức tính *dũng-mãnh* bội phần. Sao vậy?

Là vì thường thấy một cá-nhân khi mới phát-tâm tu đạo hay là làm việc gì, cũng như một đoàn-thể khi mới tổ-chức để thực-hành một ý-nguyện gì, lúc đó biết bao nhiêu là những chí-khi băng-bái, bao nhiêu những lời-lẽ quyết-đoán, ai dám bảo không có cái đức *dũng-mãnh*. Song nếu cứ như thế mà theo đuổi thì việc gì mà chả nên, công gì mà chả thành. Thế mà không bao lâu hoặc vì hoàn-cảnh đổi thay, hoặc vì tình-thế trắc-trở, kể cá-nhân cũng như một đoàn-thể, chí-khi dần-dần nguội-lạnh, công-cuộc dần-dần tiêu tán. Xét ra cũng chỉ là vì không đủ cái đức tính *tinh-tiến* mà khiến nên.

Coi đó đủ chứng rằng cái đức *tinh-tiến* thực có quan-hệ cho sự-nghiệp người ta nhiều lắm. Trong cái xã-hội căn-khi thông-thường này, người ta dù có thiếu cái đức *dũng-mãnh* đi nữa, nghĩa là khi bắt tay vào việc chẳng làm biều-lộ ra được sự gì là oanh oanh liệt liệt, kinh động một đời, nhưng người ta biết tú luyện cho mình có đủ cái đức *tinh-tiến*, siêng-năng, cố gắng mà tiến thủ thì cũng đủ toại được chí xưa. Ngày xưa Lục-tổ lúc sơ-cơ, ít được học-vấn, chỉ làm việc giã gạo cho trong tùng-lâm, thì còn có gì là khó-khăn mà tỏ ra có cái đức *dũng-mãnh*. Thế mà chỉ vì Ngài thủy chung một lòng mộ đạo, tự tu tự chừa. lấy một mình, bồng một búi tóc tự-nhiên ngộ đạo, bốn câu kệ tỏ ra hiểu-thấu chỗ cội gốc đạo Thiên, rồi thành một vị Tồ-sư thiệulong trong đạo Phật. Vậy biết người ta chỉ lo không đủ cái đức *tinh-tiến*, chứ không lo không lộ ra cái đức *dũng-mãnh*. Và, nếu đã có được cái đức *tinh-tiến* thì tự-nhiên cái đức *dũng-mãnh* phát-sinh ngầm ngấm ở trong.

Nay nhân phong-trào Phật-giáo trong nước bắt đầu đang hưng thịnh, nào kẻ cá-nhân phát tâm tu học, nào các đoàn-thể hợp sức chấn-hưng việc đạo, ngày một thêm đông, thực là một chứng triệu đáng mừng cho nhân-tâm thế-đạo. Bởi vậy xin đem hai cái đức tính *dũng-mãnh*, *tinh-tiến* rất qui-trọng, cần-thiết cho hết thảy công-đức, sự-nghiệp ở đời mà trong kinh Phật đã ân-cần dạy bảo, đề cảnh-cáo cùng các giáo-hữu.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

## THỨ-TỰ TU HÀNH CỦA CÁC CƯ-SI HỌC PHẬT

Những phép thường của Phật, mà làm ích lớn cho người đời ấy, tức là ngũ-giới và thập-thiện, những phép đó vốn cùng với cái thường đức nhân luân của Nho-giáo giống nhau, và so với những điều cương-yếu trong các tôn-giáo, các triết-học đồng tầy xưa nay, cũng không là trái, nhưng Phật-pháp lại là cao hơn, và ngũ-giới thập-thiện mới như cái mạch nước con con, rồi còn dần chảy ra đến bề đại-viên-giác, rất là trong sạch mông mênh kia. Tức là từ bậc giới và thiện, bước lên bậc giải-thoát, đi tới đường bờ-đề, khiến cho trước được làm hiền triết loài người, sau nên bậc thánh tôn quả Phật. Người ta có câu nói : « Lối trông dễ bước, đường cái không hay ». Những người học Phật đời nay, cứ không chịu để tâm về ngũ-giới thập-thiện, mà chỉ h v chỉ chút viển vông, chính nên nghe câu ấy. Nay xin phác định cái thứ-tự tu hành của các cư-sĩ (tại-gia) học Phật như sau này :

1) Đã tu học Phật-pháp, tin theo Phật-giáo trước nên xem đọc các sách như các kinh luận thuộc về đại-tạng, và các báo chí thuộc về Phật-học, nhận rõ cái chân tướng đại-khải của Phật-giáo, như nhân quả ba đời, lên lui năm thú, luân hồi sinh tử, giải thoát Niết-bàn, có hiểu thấu giáo-lý thì lòng tin mới bền vững. Lòng tin ấy là bởi thẳng giải vui thích mà ra, đích là hiểu đạo mà thực tin, chứ không phải là mê tin.

2) Hã bởi rõ biết cái chân-tướng của Phật-pháp mà khởi sinh ra lòng tin, thì sẽ tiến một bước đề cầu định chắc cái lòng tin, là tìm một vị đại đức xin thụ tam-qui, đề tựa nương vào Phật pháp tăng trong Phật-giáo. Thụ tam-qui ấy là đem cái ý thực trong lòng tin sùng tam-bảo mà công bố ra nhận là một phần-tử trong đồ chúng tin Phật. Từ đó thân mình đã là một nhân-cách mới mẻ của giáo-dồ nhà Phật ở trong phép Phật hóa sinh ra, cũng lại nhân đó mà quyết định rằng : trải qua lần công-bố ấy là một bước đầu qui Phật pháp tăng, rất quan kiện là phải

« bỏ tà quy chính ». Thế nào là quy chính, là từ đó chỉ lấy Phật làm thầy, cứ pháp của Phật mà học, lấy các tăng tu về Phật-pháp làm bạn, tức là từ trong tam-bảo mới sinh được một cái thân mệnh mới, như đứa con đỏ phải nằm gọn vào trong lòng từ của tam-bảo vậy, nên gọi là « quy mệnh tam-bảo ». Thế nào là bỏ tà ? Là từ đó bỏ hẳn các giống tà-giáo, tà-thuyết, tà-sur, tà-hữu của thế-gian, vì nó khởi ra những tà hạnh, phi thanh tịnh, phi giải-thoát, phi chính-giác, nên sau khi quy phải giữ cái thái-độ làm giáo đồ thuần chính của Phật, đi đến đâu cũng phải nung cao cái đặc-điểm của Phật-giáo là rất hay, mà không cho những dị-giáo và tập tục sống bằng, trong tâm thì dần bỏ hết những cái thói tham sân, chừa sự xa hoa, bớt sự ham muốn, mà còn dư lực thì sửa sang ruộng phúc. Ruộng phúc có 3 thứ: 1) là ơn; đối với cha mẹ và những bậc có ơn, không tiếc tài lực để làm việc báo đền. 2) là kính: Về những việc sùng Phật, hoằng pháp cũng tăng và tôn phụng người có đức, chẳng tiếc tài lực để làm việc bố-thí. 3) là bi: Đối với người đời cho đến cả những súc-sinh bị tai nạn thống khổ, chẳng tiếc tài lực để làm việc cứu độ.

3) Thụ quy hành thí. Đã thuần thực rồi, lại xét rõ cái lực lượng mình để mà bành-tri nữa, là tiến lên theo một vị đại-đức, xin trì 5 giới, 5 giới đó là kỷ cương trong nhân đạo và là gốc rễ của tâm đức đó; nhưng thụ 5 giới không cứ một lúc phải thụ cả đâu, vì tại-gia cư-sĩ đương ở trong chốn tập tục mà lại còn bận chức nghiệp riêng, hoặc giữ 1 giới như 1 không sát-sinh, 1 không gian trộm, 1 không tà-dâm, 1 không nói càn, 1 không uống rượu và không hút thuốc phiện cũng được. 1 giới hay giữ được hoàn toàn, tiến lên thụ 2 giới, tùy chọn lấy 2 giới nào mà giữ cũng được. Giữ 2 giới quả trong sạch rồi, tiến lên thụ 3 giới. 3 giới quả trong sạch thì tiến lên 4 giới. Giữ 4 giới quả được trong sạch, mới tiến mà hoàn toàn thụ trì cả 5 giới, những phép trì giới đó phải cốt thực hành, chứ không phải bởi cái tâm vụ-danh, nếu cứ nói liều là ta hay thụ trì mấy giới, hoặc trì cả 5 giới, mà thực ra thì: hoặc cố phạm mà khéo bưng che, hoặc lầm phạm mà không sám hối, chiều chính phép ra, hễ thụ mà không trì, ví như người đã biết

phép mà lại phạm phép, tội hơn một bực. Huống chi chẳng thụ giới mà sát hay dâm, hay phạm lỗi khác, chẳng qua là nết ác thói, chứ đã thụ giới mà lại hủy giới, thì lại thêm một tội hủy phép giới của Phật, và tội lừa dối Phật nữa. Cho nên trước khi thụ giới cần phải xét qua, sau khi thụ giới phải kiểm soát kỹ, hằng ngày phải lập một cách giữ phạm trong những giới của mình thụ, mà tra xét kỹ càng, ngày nào hay giữ tịnh không phạm gì, thì nên ghi công, nếu hơi có phạm, thì nên phớt lờ, cần cầu sám hối, lâu mà chơn chọi không có vết chi, thì tâm mừng thân xướng, dấu ở nhân-thế chẳng khác thiên-đường. Nếu đã thụ giới ấy rồi, mà xét mình không thể giữ được, thì phải lại tới một vị đại-đức, ra giữa công-chúng, công bố rồi thôi. Có thể mới khỏi tội phá hoại Phật-giới đó. Lại xem ra thụ 5 giới cốt trọng ở 4 chữ « ngăn ác làm thiện ». Nếu hay ngăn ác mà làm thiện, thì là thuần thiện không ác; còn dấu có làm thiện mà không hay cần thận về sự ngăn ác, thì không thành là thiện thanh tịnh không lậu, cái trình độ ấy chỉ ngang bằng những người mới thụ tam-quy không, mà tùy hỉ làm thiện thôi. Cho nên 2 chữ ngăn ác, làm cái đặc-chứng ngũ-giới hơn hẳn tam quy. Những người tại-gia học Phật không nên không biết cái lẽ thế.

4) Đã thụ được ngũ-giới mà giữ được trong sạch rồi, thì là hiền thánh trong loài người, lại tiến lên một bực nữa, là nên định những kỳ hạn ngăn, để học tập Phật-pháp, tức là « Bát-quan trai-giới » quan là cái ý kỳ hạn, ngăn chặn tất cả các hạnh ác, nên cái phép thụ trì bát-quan trai-giới này hạn ngắn nhất là 1 ngày 1 đêm, dài dần ra thì 2 ngày 2 đêm, hoặc 7 ngày đêm dần đến 100 ngày đêm, hạn ước tùy ý người tu hành, cái khi xin thụ bao nhiêu ngày, mà bày tỏ ra chốn công-chúng; từ sau khi vị sa-môn theo pháp chao cho rồi, thì trong cái hạn ước ấy, phải ở chùa Phật hay nhà tịnh khác. Như xuất-gia một kỳ ngắn, đẹp hẳn tất cả những điều ham muốn, nhiệm chung với thế-gian đi, kính đối tam-bảo, lặng nhiếp 6 căn, ngày đêm tinh tiến không thôi, theo phép Phật dấu đến chết cũng chẳng sát, chẳng dâm, chẳng trộm, chẳng nói càn, chẳng uống rượu, chẳng sa hoa làm giáng, chẳng ngồi nằm phàn



giường lịch sự, chẳng mang vàng bạc báu ngọc và xem trò hát xướng, thường giữ bữa chay ăn chẳng quá ngo, từ 1 ngày đêm cho đến 100 ngày đêm, ngăn chận cả mọi ác, thói hẳn sự chơi đùa, thoát lia cả tục nhiễm, thành một cách người mới-mẽ cao-thượng nghiêm-sạch như mới tắm mới gội, thông lên tới bề pháp trong sạch của Phật Như-lai; ở cái chốn bị nghiệp đời bó buộc mà được cách tinh tu một kỳ ngắn ấy, thì cũng là một phương tiện hay lắm đó. Người nào đã hay thụ tri ngữ-giới rồi, mà lại dùng gia hạnh kỳ ngắn như thế, thì lại là có công hiệu hơn.

5) Đã hay giữ dài được ngũ-giới, giữ ngắn được bát-quan-trai rồi, lại còn tiến thêm, chăm làm thập-thiện, nghĩa là thân không sát-sinh, gian trộm, tà dâm, miệng không nói càn, nói ác, hai lưỡi, nói ngoa, ý không tham, sân, si. Suy ra : ngăn được cái thân ác, cũng bằng ngũ-giới; ngăn được cái khẩu ác, thì lại mở riêng ra ba điều là hai lưỡi, nói ác và nói ngoa, càng nghiêm mật thêm, trừ sạch được ý ác, thì là cái đặc-điểm thập-thiện không cùng với ngũ-giới. Làm được thập thiện thì là cái gốc nhân của chúng thánh, là cái khuôn rộng của vạn đức, bỏ-tất nhị-địa mới hay giữ vẹn, đến khi thành Phật mới được đủ đầy.

6) Những bực thứ 1 và thứ 2 cốt gây nên căn tín, những bực thứ 3, thứ 4 và thứ 5 cốt tập tành giới thiện, là vì cái đạo học Phật phải lấy khởi tín làm mẹ, lấy tri-giới làm nền, tín đủ giới nên, thì gốc vững mới đạo sinh, mới nên tu định tuệ, nếu không thì định thường dễ bị cái tà-định nó ám lẫn, tuệ thường dễ bị cái cuồng-tuệ nó quẩn lấy, như những bọn ngoại-đạo, bàng-môn, chỉ lấy tà-định hãm người, những tuồng thế-tri biện thông, vẫn lấy cuồng tuệ hoặc chùng, ấy đều bởi cái cơ không có căn tín giới thiện từ trước đó. Định tức là tu phép chỉ-quán : Trong thánh-giáo trước lấy 5 lối bất-tịnh, từ-bi, duyên-khởi, sắc tức, niệm Phật làm phương tiện; trong ấy biệt ra có 3 phép là : Bất-tịnh từ-bi và duyên-khởi để đối trị với 3 hoặc là : Tham, sân và si, thì tu không dễ, còn sắc-tức để trị cái hôn loạn, niệm Phật để dẹp cái vọng tưởng là hai cái lối tắt lia-chướng. Nay nên thêm 4 phép nữa là : Lễ Phật, xưng-danh, tụng-kinh, tham-hoại và tri-chú. Như

trước nói phép niệm Phật là yên tâm để quán-niệm những công đức và tướng tốt của Phật. Trong phép đó lại mở thêm ra 2 phép nữa là : lễ Phật và xưng-danh ; lễ Phật tức là nghiêm kính lễ bái, thường-khóa hoặc định-ký, khi lễ bái quán niệm những công đức tướng tốt của Phật mà thân, khẩu và ý đều cung kính, lâu thì tâm định hiện ra, cũng là tu về phép màu niệm Phật đó ; xưng-danh tức là miệng xưng tên Phật, ở kinh Vô-lượng-thọ Phật và kinh A-di-đà Phật đã đặt ra, như câu : Trì những danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc một ngày cho đến bảy ngày mà được phép màu « Một lòng chẳng loạn ». Trong 3 phép ; bất-lịnh, từ-bi và duyên-khởi rút ra làm 2 lối ; tụng-kinh và tham-hoại. Tụng-kinh đã hay chiếu rõ cả phiền não trong tâm rồi phải phân tách cả tham, sân và si ra, mà dẹp dần đi ; tham-hoại lại càng hay khiến cho tham sân không nổi được, rồi đánh cái ngu si đi thẳng. Tụng kinh tức như thường tụng 1 kinh Bát-nhã-tám hay một kinh Pháp-hoa. Tham-hoại tức là phải bỏ chặt lấy một câu đầu chuyện về cái chân thân nguyên lai trước khi cha mẹ chưa sinh, rồi suy xét cùng cực mãi ra. Các phép chỉ-quán nói trên hoặc hằng ngày làm thường khóa luôn luôn, hoặc ước kỳ làm gia hạnh, đồng cửa chuyên tu, thì tùy người tu trì lựa chọn mà làm, làm cho đến lúc tình chết trí sinh, mới hay được cả định tuệ. Vì trước đã có tín giải cùng giới thiện làm nền gốc rồi. Bấy giờ lại nghiền rộng những kinh luận trong chánh giáo, học lắm, nghĩ thâm, luyện quen tuệ thẳng, rồi dần tiến lên ở trong nơi đường thánh giải thoát, mà không đến nỗi chậm trễ sai lầm, như những kinh A-hàm, Thực-tích, Bát-nhã, Thâm-mật, Lăng-già và Hoa-nghiêm cùng những luận Câu-sá, Thành-thực. Trung-quán, Thành-duy-thức và du-là-sur-địa, đều là những phép lớn của các thánh xưa đó. Lại những chú-sớ của các đại-đức xưa nay, đều nên xét xem đối chứng, để giúp cho hiểu lẽ huyền vi, thế là tín giải thông suốt, định tuệ cùng tu, cái tâm bồ-đề khai phá ở đó.

*Lược dịch ở Tạp-chi Hải-trào-âm (Tàu)*

Viên-minh NGUYỄN-THƯỢNG-CĂN

## TÌNH MÊ GIÁC NGỘ

Bài diễn-thuyết của ông giáo Vũ-duy-Hoán  
diễn ở chùa Quán-sứ, Hanoi

Thưa các Giáo-hữu,

Từ khi hội Phật giúp thành-lập, kẻ đã bao lần mở cuộc diễn giảng, đã bao nhiêu bực lão-tăng tức nho lên diễn đàn này, đem tài mẫn biện mà bầy tỏ trước mặt liệt-vị giáo-hữu, bao nhiêu vấn-đề rất to tát nào Phật-lồ tôn-thống nào tôn-chỉ chân-chính trong đạo Phật, nào Phật-giáo khái-quan vân-vân. . . .

Thực là những lời châu-cơ có ích cho thế-đạo nhân-tâm lắm. Lần này là lần thứ nhất tôi mới lên diễn đàn, chả khác đưa bé tập nói, con chim iúp bay, câu đợc câu chằng, đoạn cao, đoạn thấp, trong lòng lầy lảm run sợ. Nhưng cũng liều đánh bạo, vì ngồi trước cửa Quảng-đại từ-bi, chắc mằm các liệt-vị giáo-hữu cũng thể bụng ấy mà lượng thứ vậy.

Vấn-đề của tôi nói là « Tình mê giác ngộ ». Phó diễn vấn-đề này, tôi cũng không giám có ý khuyên ai nên tỉnh nên giác mà răn ai đừng ngộ đừng mê ; chẳng qua chúng tôi cố đem những câu nông-nổi mà tả những cảm tưởng hằng ngày :

Chúng tôi có cảm tưởng rằng : Thế-giới là cuộc mơ-màng xưa nay, mà lòng người lại là khối mơ-màng trong thế-giới ! Đứng cảnh khổ thì mơ màng cảnh sung-sướng ; đứng cảnh nhẽo thì mơ màng cảnh giàu ; đứng cảnh hèn, mơ màng cảnh phong lưu phú quý. Mơ màng sắc đẹp tiếng tốt, mơ màng cờ bạc rượu chè. Hình như sự sinh hoạt toàn ở trong cảnh mơ màng cả. Ói ! ai phán ra Chang-chu hay bươm-bướm, bươm bươm hay Chang-chu, Lý-thần hay rắn đen, rắn đen hay Lý-thần ! Giấc mộng Hàm-đan hơn ba mươi năm phú quý, trải bao nhiêu phen phù tằm, mà chẳng bặng chút thì giờ nấu chín nồi kê. . . Rõ thực giàu sang hạt móc trong hoa, công danh cái bọt trên nước, mà người đời ta thường mơ màng, mơ màng thành ra mê, ra

lầm. Vì không có bậc Thánh-nhân đề lĩnh ra cho, thì mê lại dốt đến mê, lầm lại thêm nổi lầm, biết bao giờ cho hồi đầu được. Thánh-nhân là ai ?

Tức như bên Nho-giáo là đức Khổng-tử, mà bên Phật-giáo là đức Thích-ca mâu-ni vậy.

Có người hỏi rằng : Các vị Thánh-nhân sinh ra từ hàng nghìn năm trước, ngài lại hóa đi đã hàng nghìn năm nay, cõi đời mệnh mang, người đời thay đổi, mắt ta không được chiêm ngưỡng uy-dung ngài, tai ta không được phảng phất nhờ ngài thuyết pháp thì lĩnh sao được mê, tỏ sao được lầm ?

Xin đáp lại rằng : Thánh-nhân cốt lấy đạo mà tỉnh đời, cho nên trong sách có nói : Thánh-nhân chưa sinh, đạo còn ở giới đất, Thánh-nhân đã sinh, đạo giậy đời ở Thánh-nhân, Thánh-nhân đã qua rồi, đạo ở Kinh-diển. Kinh-diển tức là dấu-tích của Thánh-nhân giậy đời vậy !

Thực thể đạo nho, Thánh-nhân giậy Ngũ-thường là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tin.

Nhân là cái đức của tâm mình, điều gì mình muốn người ta làm cho mình, thì mình phải hết sức làm cho người, Tức như phải thường xót người nghèo khổ, ái ngại cho người đau đớn, coi loài người cũng như mình, coi các loài vật cũng như mình. Thế là Thánh-nhân đã tỉnh cho ta cái lòng mê độc ác, cái tình mê tàn-nhẫn, sát sinh, hại mình, không kiêng phép nước, lười trời. . .

Nghĩa là sự chế hạn của tâm mình, tức là hết lòng làm điều phải, gặp người hoạn nạn ta cứu, gặp việc ích lợi ta làm, không mong những sự vinh-hoa phi-nghĩa, không lấy những của cải phi-nghĩa. Thế là Thánh-nhân tỉnh cho ta cái lòng mê tham lam, cái tình mê tất mết, chỉ muốn hại người mà lợi cho mình.

Lễ là cái chế-độ liết-văn của thiên-lý nhân-tình, luật dịch dướng của mọi việc. Kinh Thi có nói : « Nhân nhi vô lễ, hổ bất xuyền tử ! » Nghĩa là người mà không có lễ sao chả chết đi ». Đối trong gia-đình kính trọng cha mẹ, yêu mến anh em tức là lễ. Đối với xã-hội nể người trên, mến kẻ dưới tức là lễ. Trong tình mệnh, tài-sản, danh dự của người như của mình tức là lễ. Thế là Thánh-nhân giậy ta hiếu-thuận

là phải, có phép tắc là phải, mà bất hiếu bất mục; là làm, gian trá, là dám là làm.

Tri là linh sáng suốt của mình, biết phân biệt điều phải là trái, việc nên làm, việc nên tránh, người nên giao-dịch, người nên không. Thế là Thành-nhân gi dạy ta cư xử có điều độ là phải, cử động theo lẽ thường là phải, mà cờ bạc rượu chè là làm, bạ ăn bạ làm là làm.

Đã có gồm cả bốn đức tính: « Nhân nghĩa, lễ trí, lại còn phải có tin để đối đãi với xã-hội nhân-quần. Tin là tấm lòng thực, Đã thực thì không nói lừa nói dối, đã thực thì không làm gì làm mạ». Đường đi thì lời, sự đối thì cùng. Những người dối giả tuyên là mẽ với lẫn cả. Đức thánh Khổng dạy rằng: Nhân nghi vô tín, bất chi kỳ khả giả. Đại xa vô nghệ, tiểu xa vô ngọt. Kỳ hà dĩ hành chi tại ». Nghĩa là người mà không tin thì khó sao được, xe lớn không chực, xe nhỏ không chốt thì đi làm sao? Nếu đã đủ được năm đức tốt: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín rồi thì tiến lên đến mình đức tấn dân chỉ chí thiện », (sáng được mình, đời mỳi cho dân rồi trí đến nơi rất hay) cũng thấy dễ-dàng như tay người thợ đeo bánh xe nước Tề vậy.

Kinh-diễn Phật-giáo thì có ngũ giới cũng tương tự như ngũ thường đạo nho. Đạo nho lĩnh đời bằng chữ nhân, thì Phật-giáo lĩnh đời bằng câu « bất tàn sát nhi nhân ái » (chẳng giết hại mà lại có lòng nhân ái).

Đạo nho lĩnh đời bằng chữ nghĩa thì đạo Phật lĩnh đời bằng câu « Bất thâu đạo nhi nghĩa lợi » (đừng trộm cắp mà cầu lợi cũng phải có nghĩa). Chữ « lễ » của đạo nho thì là câu « Bất dám tà nhi lễ tiết của đạo Phật ». Chữ « trí » của đạo nho thì là hai câu ở đạo Phật: Bất ảm tửu, bất phục loạn tình tình phàm (đừng uống rượu, đừng dùng các thứ có thể loạn được tình tình) Đến như chữ tín của đạo nho thì thật hết câu của đạo Phật: Bất khi vọng (chớ nói dối nói càn). Giữ được ngũ giới tức là người phải, mà thiếu điều gì tức là làm. Đã làm rồi thì đi phải lối đường, khó mà nói được lên bậc thang thập thiện, lục độ, để mong vào cõi thánh vậy.

Tự bậc chúng sinh mà đến bậc Thành-nhân, quăng đường còn giải có lẽ gặp mấy đường tự đi cầu mà lên mặt

gười ! Cao nên bực đại-hiền học đạo Thánh phải than rằng :  
Càng trông lên càng cao, càng dúi vào càng sâu, xem thấy  
ở trước mặt thót dã ở sau lưng. \*

Tuy vậy đạo Thánh, đạo Phật đối với chúng sinh thì xa,  
nhưng lòng Thánh lòng Phật, đối với chúng sinh cũng  
gần, ngài coi chúng sinh như ngài, ngài muốn chúng sinh  
ai ai cũng được như ngài. Ông Y-Doãn có nói rằng : « Ta  
là bậc tiên-giác của dân, ta nghĩ nếu người dân nào không  
được đời ơn vua Nghiêu vua Thuần thì cũng như ta đây họ  
xuống vực. » Phật nói : « Nếu có một chúng sinh không thành  
Phật thì ta thề không thành Phật ». Xem thế đủ biết Phật  
Thánh vẫn sẵn lòng tình mẹ và tổ làm cho chúng sinh. Ngài  
đem ngũ thường, ngũ giới giầy đời để duy trì lấy ngũ luân,  
khiến cho vua phải đạo vua, bầy tôi phải đạo bầy tôi, cha phải  
đạo cha, con phải đạo con, chồng phải đạo chồng, vợ phải  
đạo vợ, anh em có thứ tự, bè bạn có lòng tin ; cho nên ông  
Mạnh có nói rằng : Thánh-nhân là mẫu mực nhân luân vậy.  
Người đời biết lấy mẫu mực ấy như kim chỉ phương hướng,  
lời khó gì mà thốn chỗ sửa được, nhà chủ hòa được, nước  
chủ yên, thiên-hạ chủ thái bình được ! Chỉ vì chưa theo  
được mẫu mực ấy cho nên có lắm người tâm thần lang chạ,  
linh nết quàng xiên, có lắm nhà trên dưới lục đục, ruột thịt  
như thù hằn, anh em như chông gai, có lắm nước, kẻ khỏe  
nạt người yếu, kẻ giàu khinh kẻ nghèo, trong thiên-hạ, nước  
này cậy binh mạnh, của nhiều thôn tính nước khác, nước  
kia đóng lâu đúc súng để tàn phá nước này. Đều là mê chưa  
tỉnh mà làm chưa tỏ cả. Như trong nước ta, thầy nho thầy  
khóa như nước, vẫn từ, vẫn chỉ như rừng, đạo nho đã phổ-  
cập lắm. Các bậc tăng-ni cũng đóng, chùa chiền xã nào  
cũng có, đạo Phật cũng rất thịnh hành. Sao người mình vẫn  
hình như chưa tỉnh mà nhất là về buổi này, hình như chưa  
từng học Nho học Phật ? Đến nỗi khiến người thường thói  
mẫn thế phải thân tức nào luân thường đảo ngược, nào đạo  
đức suy đồi là có làm sao ?

Vì ta tuy học Nho, nhưng chỉ chuộng văn chữ không  
chuộng thực ; cốt sao mạch sách nào cũng hiểu, trượng nào  
cũng thuộc, câu thơ cho hay, văn phú cho chắc. Đến như  
đạo chính tâm tu thân ai người nghĩ đến cứu kỳ ; cho nên

Nho-giáo sang ta từ đời Sĩ-nhiếp đã mấy nghìn năm mà đếm xem chán nhỏ đã được mấy lần người? Ta học Phật-giáo cũng phần nhiều bắt bóng mà bỏ nêu. Chỉ biết kinh kệ, khoa cúng, đến mình tâm kiến tnh thì ít người thao luyện có công; cho nên Phật-giáo sang từ Đinh, Lê mà những bậc thành đạo vẫn còn lơ thơ như lá mùa thu, sao buổi sớm! Thế mới biết phần người lĩnh có ít, phần người mê vẫn nhiều, phần người tỏ chẳng được mấy mà phần người lầm vẫn chiếm số hơn.

Việc trong đời đã vậy, đến như việc ngoài đời ta lại càng mơ màng nữa. Tiếng mõ Hạnh-dân, tiếng chuông Thừu-linh cũng khó lòng cảnh tỉnh. Việc ngoài đời tức là việc ở Thiên-đình, ở thoát-phủ, ở âm-cung, nơi ta vẫn thường kỳ-đạo đề cầu cái phúc tương-lai, lúc sẽ lánh cõi trần. Thầy Tử-lộ hỏi việc chết, đức Khổng nói: việc sống chưa biết, việc chết còn sao hay? Ngài lại dạy: quý thân kinh nhi viễn chi. Kính quý thân là ta phải giốc lòng trông đạo Phật Thánh, hương hoa tiền cúng, tuần tiết lễ bái để tỏ tấm lòng kính trọng. Nhi viễn chi, lúc là phải kiêng, phải sợ, phải lánh xa, đứng sớm ở đền này, tối ở phủ khác, hơi nhưc đầu sỏ mũi cũng kêu thần thánh, mắt trộm mắt cắp cũng kêu ngài, bị lừa bị lọc cũng kêu ngài, bị tà bị ma cũng nhờ ngài trừc nã, số phận lật đật cũng cầu ngài tấu đối. Lại những lúc vô sự, nhân rồi cũng giám mời ngài lên để hầu, để kêu ngài vượt ve cho ghé đệm. Thế ra coi Thần Thánh cũng như ông thầy thuốc, ông thầy kiện mà mình bao hàng năm hay là gia-sư mà mình đã từng dựng nguyệt bổng. Nguyệt bổng là những gì, chẳng qua giằm mỏng một được một gói hoa, mấy lều vàng, thề nhang, đĩa oản, nải chuối hay đôi hài giấy, chiếc nón giấy! Lễ mọn như thế giá có được lòng thành thì ngài cũng chẳng, nhưng chủ đích chỉ muốn cầu lợi, cầu phúc thì khó mà được. Muốn cầu lợi, cầu phúc, trước phải tu-nhân, tích đức, khuôn mình vào trong ngũ thường ngũ giới, đeo nhân lành thì sẽ có kết quả hay, chứ không phải cầu mà được.

Về việc cúng lễ, kinh Dược-sư có dạy: Người đời hay tin tà ma ngoại đạo. Các thầy đồng bà cốt nói khuyển khoán, vờ họa phúc. Giết các sinh vật để cúng vái, để cầu phúc cầu

lập, nhưng nào có được. Thế là người ngu si mê hoặc, tin lời nói diên đảo, thì phải bị chết hại, Phật giậy như thế mà ta vẫn tin lời diên đảo, cầu bình an, cầu phúc, vẫn giết lợn giết gà. Vẫn ngu si mê hoặc, làm ra voi ngựa, thuyền bè, quán gia súc ống nói rằng để tiễn các quan ôn. Vậy các ngài mang quán mang ngựa, voi đi đánh nước nào, đi chiếm thành nào, ý hẳn tưởng rằng dưới âm cũng như trên trần cũng có các nước liệt cường như Đức như Nhật nên cũng phải binh mạnh quân giỏi, để ngừa giữ nhau, để hành phạt nhau, cho đến nỗi hao người tổn của, nên mỗi mùa hè lại lên bắt quân ở trần xuống để tòng quân, lấy súng đạn trên trần, lấy vàng bạc trên trần để làm quân nhu chẳng? Ta biết chắc không có thể mà ta vẫn theo, thế ra Phật muốn chỉ lối thẳng, mà ta vẫn lạc vào lối lùm, muốn dắt đến bến lành, mà ta vẫn trôi vẹo bề mê.

Đường thẳng với lối mê chẳng khác nào một cái cửa thông sang nam và sang bắc. Minh ngánh mặt về nam, tuy chưa đến nam, nhưng tâm mình đã khuynh hướng về nam, chân mình đã chỉ chực bước về nam, tất đã sa mất hướng bắc, nếu mình ngánh về bắc, tuy chưa đến bắc, nhưng cũng sa mất hướng nam rồi. Cho nên đã đi về lối tỉnh thì tỉnh dần, mà đi về đường mê thì mê mãi.

Ồi ! bề mê mệnh mang, ngánh đầu lại tức là bến lành, đường làm dằng dặng, quay gót lại tức là nơi sáng. Ta nên lấy Chánh-nhân làm mẫu mực, theo đạo Chánh-nhân làm phương châm. tất nhiên mỗi ngày tấn bộ trên con đường chí thiện, trên cõi bờ đề.

Nay may có hội Phật-giáo, đạo Phật ngày một hưng long, đạo Phật hưng long tức đạo Nho cũng phấn khởi. Các giáo-hữu ta nhất tâm quy đạo tất giác được ngộ, tỉnh được mê.

Mong sao ta tỉnh đừng mê,  
Mong sao tỉnh lại suy đi không lằm.  
Ngũ thường ngũ giới nhập tâm,  
Mong noi cõi Phật chớ lằm cõi ma.  
Thiện căn vững chặt lòng ta,  
Lòng ta gương sáng không pha bụi trần.

Na-mô A-di-đà Phật



# Phật-hóa tiểu-thuyết

## Thề viết thư

### I

Chị Băng-tâm, Saigon

Thưa chị,

Đương khi nắng hạ nấu nung, cả thế-giới Xa-bà như trong lò lửa. Em đương ngồi thêu ở trước cửa, bỗng một cơn gió nam từ ngoài hồ sen xa xa đưa lại, mùi hương thơm-thật một cách thanh-nhã, êm-mát, nhẹ-nhàng, khác hẳn với hủi thấy mọi mùi hương khác nồng-nàn mà không khỏi cái khì vị thô-bỉ. Gió đã im mà hương vẫn còn thoang-thoảng quyến-luyến quanh người. Khiến cho em, thân-thể đàn uê-oải bỗng thấy linh-tạo, tâm-thần đang bứt-rứt bỗng thấy vui-vẻ, ấy đời em được cảm thấy cái thanh-thú của mùi hương sen một cách thấm thía mới có lần này là một. Vì cảm về hương sen mà nghĩ đến đạo Phật, em thấy rằng cả sức cảm-hóa người đời của đạo Phật cũng thanh-tạo mà dịu như thế không khác gì. Bởi vậy trong đạo Phật lấy cả hoa sen làm cái hiệu rất quý-báu đáng lắm.

Nhân thế em vội vàng lấy giấy mực viết thư này, đem cả chỗ đạo Phật đã cảm-hóa cho em một cách rất sâu xa, đạo Phật đã giúp cho em một cái nghị lực, nghị lực ấy trong đạo Phật gọi là *dũng-mãnh tinh-liển*, để em phấn đấu với cái cuộc đời reo neo của em về đời này. Nguyên-ủy thế nào xin thuật tròng chị rõ.

Chị Băng-tâm thường hay thương yêu em kia ơi, xin nhắc trước chị biết, cái chỗ em ngồi thêu và viết bức thư cho chị này, nó không phải là ở trên tầng lầu nguy-nguy tráng-lệ kiểu tân-thời ở giữa phố hàng Bông mà ngày chị ra du học Hà-thành vẫn khuya sớm cùng em hai sách một đèn ở dấy đầu, nó chính ở trong ba gian nhà lá cửa phen nền đất ở giữa cái trại gần hồ Bảy-mẫu đây, chị ạ.

Đời em hiện giờ, không phải là còn sống ở cái đời « *con cưng* » nũng-nịu, cái đời nhà trưởng-giả cao sang như ngày chị còn ở học với em nữa đâu, em nay chính đang sống ở

cái đời phải cùn-cù gánh vác việc gia-đình cho mẹ già em bé đây, chị ạ.

☞ Nói thế tất chị phải kinh-ngạc rụng rời, trách em sao có những việc gia-biến bất-kỳ như thế, mà không viết thư ngay cho chị biết. Xin lỗi chị, có đó chỉ vì em, một là hơn năm nay, bối rối không lúc nào thư; hai là cũng không muốn để chị biết mà sinh lòng buồn bã vì em, vì gia-quyển nhà em. Nay việc nhà đã yên, chị em đã định, nhân khi cảm-hứng, rãi bày nông nổi, chị thương mà cũng mừng cho.

Số là sau khi hai chị em ta cùng tốt-nghiệp ở trường Trung-học ra, chị thì về Nam, ở nhà hầu hạ hai bác mà không đi học nữa. Em cũng thôi học ở nhà trông nom việc buôn bán đỡ mẹ em và kèm cho thằng em Quế đi học. Thì hơn hai tháng sau, cái nạn kinh-tế khủng-hoảng gồm ghê bỗng như tiếng sét ngang trời giáng xuống nhà em. Là mẹ em buôn bán thua lỗ ngấm-ngấm từ trước, đến hơn 5 vạn bạc; những chỗ mẹ em bán chịu, hoặc đặt hàng thì họ kể vì vỡ nợ, kể dụng tâm lường gạt, không ai trả lại được đồng nào. Còn những chỗ mẹ em nợ người ta thì đều có giấy tờ, một đồng trình không sai được. Bởi thế nhà em bị tịch-ký. Vợ vét hết cả hàng họ còn lại và đồ đạc trong nhà được một vạn, còn thiếu vạn rưỡi. Có hai căn nhà, khi cha em sắp mất đi, di chúc căn nhà ở phố hàng Bông thì vào sổ địa-bạ cho em Quế, mà căn nhà ở phố hàng Bát thì vào sổ để cho mẹ. Bấy giờ em nghĩ nếu giữ lấy nhà mà để mẹ em bị mang tiếng là lừa đảo thiên-hạ, thì sỉ nhục cho chúng em là dường nào. Thà chết chẳng thà nhục, em bèn bàn với em Quế, nó tuy bé mà cũng đã biết nghĩ, vui lòng nghe ngay, chúng em nói với mẹ em bán cả hai căn nhà ấy đi để trả nợ thì vừa đủ. Thế là ba mẹ con gợn xuống ở cái nhà lá dưới trại bên hồ Bảy-mẫu cũng của nhà em từ ngày đó.

Xuống ở đấy được vài hôm, mẹ em lại bị ốm nặng, nóng sốt liên-miên cơn mê cơn tỉnh và hay dặt mình. Trong hôm còn sót lại vài cái đồ nữ-trang không bị tịch-ký em phải đem bán đi để lấy tiền thuốc thang cho mẹ em và cho hai chị em ăn gạo. Có đồng nào khánh-kiệt hết cả mà bệnh mẹ em cứ giai-giãng như thế, không ăn không ngủ được, thuốc nào cũng không khỏi.

Em lúc này ruột gan bối rối như mối bồng-bong, chân tay bủn rủn đi đứng không vững. Canh khuya một mình ngồi với một siêu thuốc. Em Quế còn tỉnh trề lẩn ra nó ngủ, em thôi nâng dĩa cho me em thì lại ngồi phe-phẩy quạt cái hỏa-lò sắc thuốc dưới ngọn đèn dầu hỏa nhỏ su lơ mờ. Phần nghĩ thương cho mẹ, phần nghĩ lo cho em và cho mình, ở cái đời thế-lực đồng tiền rất mạnh này mà hai đứa thơ ngây bốn bàn tay trắng, không biết thân thế chị em chúng em rồi đây sẽ ra đến thế nào.

Nhân lại nghĩ đến sự sống của đời người. Người ta đem cái thân nhỏ-mọn, cái sống ngắn-ngủi ra chịu lấy bao nhiêu cái gian-nan, cái khổn-khở ở cõi đời tranh-đấu tàn-khốc gớm ghê, đáng ghét mà cũng đáng thương này, mà hỏi đến sự thực thì chừng như chỉ là một sự ngẫu-nhiên, chẳng có vì duyên-cớ gì khác, thì cái sống của loài người chẳng cũng vô-vị lắm du, ấy thế mà muốn thời nào nó có cho thời. Bấy giờ em muốn tìm lấy một nghĩa-lý gì để mà giải-quyết, mà an-ủi cho cái sống ấy nó có chút ý-nghĩa hay-ho hơn, để vui lòng mà sống, hăng-hái phấn-chấn mà sống, thì thực không biết tìm vào đâu. Tâm hồn em lúc ấy lại càng thấy côi cút, bơ-vơ như chiếc thuyền lênh đênh nơi biển cả, gió to sóng giũ, bốn bề mây khói mịt-mù. mà trong thuyền không có kim chỉ-hướng, bàng-hoàng chẳng biết về ngã nào cho xuôi.

Chị Băng-tâm ơi, nghe em thuật đến đây, chị có thấy ghê sợ cho sự khủng-hoảng về tinh-thần người ta nó còn nguy-hiểm gấp trăm nghìn lần cái sự khủng-hoảng về kinh-tế không.

Tinh-thần định thì sự sinh-nhai dù phải vất-vả thế nào người ta cũng vui mà sống, phấn-chấn mà tiến. Băng tinh-thần đã trống rỗng thì dù xử cái cảnh pho-g-túc đến đâu cũng buồn-bã mà không sống nổi. Phương chi lại gặp những cái cảnh nguy-nan cùng-quần, càng biết nghĩ bao nhiêu lại càng thấy ngã lòng bấy nhiêu. Em bấy giờ chính xử vào cái tình trạng ấy thấy tâm-thần dường như không tự-chủ được lấy mình nữa.

May thay ở bên hàng xóm có một bà gọi là bà Tú Hậu, người thực thà, sốc-nổi, nhà cũng thanh bản mà rất

mộ Phật. Tuất gia-đình nhà em, bà rất ái-ngại, ngày thường chạy sang thăm bệnh mẹ em và an-ủi em, dặn dò em cách trông-nom săn-sóc cho mẹ em. Bà Tú Hậu lại bảo em nên ra chùa lễ Phật mà cầu nguyện cho mẹ em chóng khỏi bệnh và được thọ tràng. Nhưng bà sợ em là bọn gái mới, cây cỏ học-thức, cứng đầu cứng cổ chẳng chịu tin gì Trời Phật. Bà lại vào đường bệnh, vỗ vào vai, ghé vào tai mẹ em mà bảo mẹ em cho em đi lễ Phật để đảo bệnh. Mẹ em mệt không nói được, gật đầu tỏ ý bằng lòng. Em thấy mẹ em tỏ ý bằng lòng việc đi lễ Phật, mà thuốc thang đã vô-hiệu, âu là cũng theo mệnh mẹ em cho tạm yên lòng, trong khi rỗi chỉ. Bà Tú Hậu miệng vừa niệm Phật vừa dặn mẹ em ở nhà cứ niệm Phật như thế để bà đưa em đi lễ.

Bà Tú Hậu đưa em lên chùa Quán-sứ nơi hội-quán của hội Chấn-hưng Phật-giáo mới mở ra, thập phương ra vào lễ bái tự-do không ai hỏi. Em đem lễ có vài dò hoa huệ, đèn hương thì chùa đã có sẵn. Bà Tú cùng em qui trước Tam-bảo, bà bảo em muốn cầu-nguyện gì thì tự mình cầu-nguyện lấy, nhưng mà phải thành tâm mới được. Em cũng theo như thế mà làm. Việc lễ bái chỉ có thế thôi; chứ không có phù-bùa, tàn hương nước thải gì như nơi cửa điện của có đồng thầy pháp.

Lễ xong chúng em đi xuống hành-lang, thấy có bán bùa và phát kinh, em mua và xin vài ba thứ. Ngờ đâu về đến nhà thì thấy mẹ em đang chợp ngủ đi được. Bà Tú vui-vẻ khế bắm em, tỏ ý mừng-rỡ và bảo thăm em rằng : « *Đấy có trông, hơn tháng nay cụ có chợp mắt qua được tí nào đâu. Thế mà bây giờ mới cầu đến Trời, Phật là đã ngủ được ngay. Ngủ được là bệnh khỏi, như thế có qui hóa không !* » Em nói : « *Tối mắng sủa chửa từng trái, nhờ Trời nhờ Phật mẹ tôi qua cầu thoát nạn mà ở lại với chúng tôi trong lúc còn thơ ngây này, thực là nhờ ơn bà chỉ bảo* ». Em nói vừa dứt lời thì mẹ em thức giấc nói không ra hơi, bảo bà Tú Hậu rằng : « *Hơn một tháng nay, ngoài lúc cơn sốt mê man bất-linh nhân-sự ra, thì lại thấy bọn kẻ cướp nó đến phá nhà giết người lấy của, lòng lo sợ không lúc nào ngơi. Lo sợ quá lại bốc nóng sốt mê man, sốt xong lại thối như thế. Lúc này*

vi tâm tâm niệm niệm đề niệm Phật, một lòng tin cậy có Phật.  
*bằng quên bẵng cả lo sợ mà chợp đi lúc nào không biết* ».

Nghe me em nói em mới tỉnh ra rằng bệnh me em là tâm-bệnh, mà đạo Phật chính là một môn thuốc chữa tâm bệnh rất hay. Từ đó me em càng chăm niệm Phật, mà em thì mỗi ngày lại đi lễ Phật cầu nguyện cho me em một lần, về nhà lại giữ những bài trong báo trong sách của hội Phật đọc cho me em nghe, me em nghe coi ra lấy làm vui vẻ lắm. Bệnh tự dần dần thuyên-dảm, ăn được ngủ được, thể là khỏi.

Trước cũng tưởng các bà già tỉnh hay mộ đạo thì em chiều lòng đọc một vài bài kinh sách Phật lấy nghĩa giải-thoát để làm khuây-khỏa cho me em, mà chữa cái bệnh căn trong tâm-lý mà thôi. Hay đâu, thấy trong sách cò nhiều nghĩa cao-siêu mà thiết-đáng với đời người, em bèn xem rộng đến nhiều kinh sách Phật khác nữa, thành-thử em bị đạo Phật cảm-hóa lúc nào mà không biết.

Đạo Phật đã trả lời cho em cái vấn-đề cứu-cánh về sự sống của đời người là cái vấn-đề em cần muốn giải-quyết mà chưa giải quyết được. Vì giải-quyết được vấn-đề ấy nên em tự thấy tâm-hồn vui-vẻ, có chỗ tựa-nương, không coi-cút, bơ-vơ như trước nữa. Thấy yên lòng mà sống ở trên cõi tinh-thần. Sống để làm việc cho kẻ khác, lợi người ấy lợi mình. Nhất là đạo Phật lại giúp cho em tu-luyện lấy cái đức dũng-mãnh tinh-tiến mà làm việc.

Đạo Phật đối với lòng em nay thực không khác gì cơn gió mát có mùi hương sen đối với thân em trong khi đương bức-bối nồng-nực mà trên kia em đã tả.

Thư này tưởng đã giải quá rồi, xin hăng lực kể khúc-nhôi từ khi nhà em ngộ biển cùng em nhờ có đạo Phật cảm-hóa mà thêm vững lòng đối phó với cuộc gia biển ấy. Còn cái vấn-đề cứu-cánh cùng mọi điều đạo-đức hay, mọi cái đức tính tốt, mà em đã cảm-hóa được của đạo Phật thế nào, các thư sau xin lần lần thuật tường-từng việc đề Chi biết.

Mặt ngọc tuy xa, lòng vàng còn tạc, một thiên tâm-sự gửi trước trang đài.

*Bạn gii của Chi Mai*

**Đ. N. T.**

## TRUYỆN ÔNG LÔ-CHÍ TRƯỜNG-GIÀ

(Vua Đế thích Hóa-thần bị kiện)

(Tiếp theo và hết)

Vua lại bảo quần thần rằng: xét như hai người này ai là Lô-chí thật, ai không phải là Lô-chí.

Ông Túc-cầu thưa, bây giờ có thể hỏi các việc bí mật ở trong nhà, xem có khác nhau thì mới có thể phân biệt được sự chân giả.

Vua phán: nay trăm nhiều việc lắm không đủ thì giờ hỏi kỹ được. Vậy cho đưa hai người, mỗi người vào một buồng bắt tả minh bạch hết các cửa cái và các việc cần mật, rồi đem ra xét xem phải trái thế nào.

Một lát cả hai người đều đem tờ sớ khai trình sản nghiệp ra, thì hết thầy của cái, hết thầy sự bí mật, cho đến sự tích không sai một ly nào. Vua thấy thế lấy làm kinh ngạc, phán rằng: « Việc này không phải là thường, không phải là người ta có thể làm được », bèn hạ lệnh bắt mẹ Lô-chí vào hầu. Khi bà vào quì lạy trước vua, chúc vua muôn tuổi.

Vua phán: Trăm đây rất kính người già, cho lão ngồi đấy.

Bà già ngồi.

Vua phán: như hai người này ai là con người, còn ai không phải.

Ông Đế-thích khẽ nói với bà ấy: xin mẹ chờ để con lại bị cái ma sên nó ám con nữa.

Bà ấy đứng rầy chỉ ông Đế-thích nói: « Muốn tâu Bệ-hạ, người con này có lòng hiếu thảo, chăm nom nuôi nấng tôi, không trái ý tôi, chính là con tôi. Còn người kia đối với tôi tuyệt không có chút lòng thân ái gì cả, quyết không phải là con tôi. Còn như hình tướng đẹp xấu, lớn bé, di lại nói năng, về phần hình thức thì tôi không thể nào phân biệt được. »

Vua lại hỏi: thế lúc con người còn bé, người bế ẵm trong tay, tắm rửa mặc áo quần cho nó, có thấy giấu vết gì ở

trong chỗ ẩn mật làm di tích không? bây giờ có còn nhớ không?

Bà lão gật đầu nói: « Có » Ông Đế-thích nghĩ: được, cứ để bà nói rồi ta sẽ hóa ra đúng như lời bà.

Bà nói: « Ở dưới nách bên tả con tôi có một mụn nốt ruồi đen đen bằng hạt đậu, » Ông Đế-thích lầm bầm nói: « Chà! nếu mụn bằng núi Tu-di ta cũng có thể hiện được, huống chi mụn nhỏ con ấy » lập tức biến thành ngay để đợi khám nghiệm.

Bấy giờ trong bụng vua mới hơi mừng thầm ta đã có một tia sáng để xét đoán việc này, quyết nhiên là xong, lập tức bắt hai người cỡi áo ra đờ cao tay bên tả lên, bên thấy hai cái nốt ruồi đồng nhau như một không sai tí hào nào cả, vua và quần thần bất giác cười ồ cả lên, cùng nói rằng: những việc lạ này thật mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe tiếng bao giờ, thật có thể làm cho ai ai cũng phải sinh lòng ngờ sợ.

Vua bảo quần thần rằng: sự kỳ dị này, sức trẫm không đủ giải quyết được, bây giờ chỉ còn cách cùng nhau đưa đến bạch Phật ở tinh-xá tại Kỳ-hoàn. Xin nhờ mắt trí tuệ của Phật phán đoán nghi án này cho. Vua nói bài kệ rằng:

*Phật như đũa-tuệ dũa gươm,  
Hào-quang soi khắp muôn loài trần dan.  
Sóng mê bề đục khô khan,  
Chàng-sinh tội lỗi muôn vàn như không.  
Vận dùng đủ phép thần-thông  
Trăm yêu nghìn quái một lòng khiếp uy.  
Chúng con còn chút hồ nghi,  
Giả chân xin đức từ bi phán tường.*

Vua và quần thần mặc lễ phục, ngoài thân đeo đủ các thứ trân châu anh lạc, cực kỳ trang nghiêm rồi đi ra, cho hai ông Lô-chí cưỡi một con voi, có lính dẫn đi, còn vua thì ngồi trên một cỗ xe hai bên có các quan và các cơ đội cầm hương hoa đi thị vệ, lại có một ban âm nhạc đi trước, quan quân trống đồng cờ mở đi thẳng tới tinh-xá Kỳ-hoàn, vua đem vàng-ngọc châu báu tất cả năm thứ ra. Vua tâu tận thành chình túc nghi đong rồi cùng vào trước Phật, lễ Phật xong

vua bạch Phật rằng: « Lậy đức Thế-tôn, lũ chúng con ngu muội không biết thật giả, duy lòng Phật sáng như gương báu, bao nhiêu chúng-sinh bị vô lượng lửa phiền não đốt cháy, Phật dập tắt khiến cho yên lặng; hết thầy thế-dan đều mắc cái dây sinh tử ràng buộc, duy có mình Phật được giải thoát; hết thầy chúng-sinh những kẻ mù loà Phật mở mày mở mắt cho. Chúng con đem hết cả tài năng trí tuệ ra hết sức suy cứu cũng không phân biệt được hai người này ai là Lô-chí, ai không phải là Lô-chí? »

Đặt lời, các người lĩnh dẫn hai ông Lô-chí đến trước Phật. Tất cả công chúng ai ai cũng ngồi yên lặng đợi nghe Phật quyết phán, ông Lô-chí giả thỉ thần sắc nhơn nhơn vui vẻ, toàn thân trang điểm khác thường, ngồi yên tĩnh chỉnh tề.

Ông Lô-chí thật mặt mày nhuần nhỏ, hình sắc tiêu tụy, ăn mặc rách rưới tả tơi, bần thủ, coi ra đáng muón phần khổ não, ông kêu trước rằng: lậy đức Thế-tôn xin ngài mở lòng đại từ đại bi gia ơn cứu giúp hết thầy mọi loài, làm cho khỏi sự oan ức.

Bấy giờ ông Đế-thích thấy ông Lô-chí khổ não như thế rồi, tự nhiên mỉm cười.

Vua liền đứng dậy chấp tay hỏi Phật: cái nghi án này thế nào, chắc Phật biết rõ, kính xin Phật dạy cho biết hai người kia ai là phải ai là trái?

Bấy giờ đức Như-lai cất cánh tay vàng thần quang rực rỡ, phá tán hết mọi chỗ mờ ám tối tăm, dấu vật nhỏ bằng con trùng ký sinh trong hạt vi-trần cũng rõ ràng không còn ẩn hình vào đâu được. Phật bèn lên tiếng bảo vua Đế-thích rằng: « Người làm gì thế ». Ông Lô-chí giả lập tức biến mất, lại hiện nguyên hình là Thiên-đế khắp mình hào quang chói lọi, cầm viên ngọc như ý làm đồ anh lạc, toàn thân trang nghiêm, chấp tay hướng trước Phật đọc bài kệ rằng:

*Những phường bốn sển ngu si,  
Không hay bổ-thí giúp gì người ta.  
Năm đồng mua rượu bán da,  
Đem ra nơi vắng nghề nga một mình.  
Say rồi hát múa linh đình,  
Điên cuồng đồ dại dám khinh cả giới.*



Muốn cho tình nó đổi đời,  
Quyền nghi phương tiện nên tôi trả hình.

Phật bảo vua Đế-thích: hết thầy chúng-sinh đều có tội lỗi, vậy nên khoan thứ cho.

Bấy giờ ông Lô-chi đối với vua Đế-thích nói: tội chịu khổ sở cay đắng bao nhiêu mới tích được tiền của bạc vàng, nay bị ngài huy hoặc tiêu tán hết rồi.

Vua Đế-thích nói: « ta đây không tiêu tán của người hết bằng cái lòng cái óc nào.» Ông Lô-chi không tin.

Phật bèn bảo rằng: « Người hãy cứ về nhà kiểm điểm lại của cải ở nhà xem, vốn có những gì, chưa mất tí nào đâu. Ông Lô-chi tin lời Phật nói là thật, bao nhiêu sự phiền não trong lòng đều tiêu tán hết.

**HẾT**

TRÍ-HẢI dịch

---

### **Chi hội Phật-giáo Bắc-ninh**

Chi hội Phật-giáo Bắc-ninh trước đã được cụ Phan-văn-Đại, tiền tổng-đốc nhận làm danh-dự hội-viên, nay lại được cụ Bùi-thiện-Cơ, đương kiêm tổng-đốc cũng nhận làm danh-dự hội-viên nữa. Về sự tuyên dương Phật-pháp có các đấng đại thần ngoại hộ như thế thì cái tiền-dồ chấn-hưng Phật-giáo ở Bắc-ninh chắc là phát đạt mau lắm.

### **Chi hội Phật-giáo Hải-phòng**

Ngày 8 Juillet 1936 vừa rồi cất đám bà Nguyễn-thị-Đức, vĩnh viễn hội-viên ở chi-hội Hải-phòng. Đúng 11 giờ hôm ấy, hội-đồng lễ tỵ, có 3 vị đạo-sư cùng ban hộ niệm vào làm lễ hộ niệm xong thì rước linh-cửu lên đường, cờ Phật-hiệu đi trước, kẻ đến trang-phan bảo-cái cùng các vị lão bà cầm phướn theo sau Phật-đỉnh, rồi các hội-viên sắp hàng đôi đi tiếp dẫn. 12 giờ rưỡi đến huyệt, ban hộ-niệm đứng sắp hàng 2 bên, ông thư-ký đọc diếu văn xong, chư tăng cùng các hội-viên đồng thanh niệm Phật.

Lại có cả ban trị sự chi hội Kiến-thụy cũng đi hộ tống nữa.

閒雲亭參禪詩草

(Tiếp theo)

14. — Động Tiên-sơn

仙山峒

Động Tiên-sơn ở mé đông động Hương-tích, cũng nhiều tua đá như hình pháp-bảo. Trong động có hai cửa, và có pho tượng đá trắng.

山	不	在	高	有	則	名
春	風	送	客	叩	岩	局
垂	珠	鐘	鼓	天	鎔	出
掛	石	幢	幡	地	削	成
五	夜	寒	梅	花	作	繼
半	林	幽	鳥	語	傳	光
可	憐	仙	界	風	夢	好
回	首	壘	埃	未		醒

DỊCH NGHĨA :

Tiếng đồn chẳng lộ non cao,  
 Gió xuân đưa khách lạc vào cửa hang ;  
 Trống chuông dân có sẵn sàng,  
 Hai bên bảo-cái tràng phan ai bày.  
 Hoa mai đêm sáng như ngày,  
 Chim rìng động hót họa thầy tụng kinh ;  
 Cõi tiên khế hậu tốt lành,  
 Nghĩ ta ta thẹn chút tình trần-hiếu.

15. — Đền Ngũ-nhạc

五嶽祠

Đền Ngũ-nhạc thờ vị thần là bộ-tướng đức Thánh Đổng ở triều Hồng-bàng. Đền ngay bên suối Yến-vĩ, ai vào Hương-tích, lễ trình đây trước.

葱	葱	鬱	鬱	氣	佳	哉
五	嶽	雲	深	屹	此	臺
山	推	巖	前	凝	瑞	滿
水	環	窟	左	帶	靈	來

鴻	雁	名	將	功	猶	紀
燕	尾	尊	臣	德	未	埋
從	此	文	明	逢	好	會
無	邊	景	色	日	重	興

DỊCH NGHĨA :

Song-song uất-uất khi lảnh,  
 Dĩa nơi núi thẳm, trành-vanh tòa đèn ;  
 Núi Vành hoa lá làm phen,  
 Nao-nao nước quồn đôi bên rớt vào.  
 Công-danh lừng-lẫy Hùng-trào,  
 Hiền-linh suốt Yến, ra vào môn án ;  
 Văn-minh này hội duy-lân,  
 Dấu thần muốn thủa, cảnh xuân bốn mùa.

HỘI NAM-KỶ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC

## « NGHI-THỨC TỤNG NIỆM CỦA NGƯỜI TU TẠI GIA » RA ĐỜI

Những người đã đứng ra lo việc hoằng pháp lợi sanh, mà biết việc gì có lợi ích chung cho đa-số người, thì nếu truyền bá cái biết ấy ra giữa công-chúng cho ai ai cũng đều biết như mình và được phần lợi-ích như mình; vậy mới khỏi mang cái « tội lẫn pháp ».

Lâu nay, nghi-thức tụng niệm trong các chùa chỉ là một môn biết riêng của phái Tăng-già, ngoài ra Thập-phương Thiện-tín không mấy người rõ được; thành thử có nhiều điều trở ngại và có nhiều khi phải thiệt hại cho Tín-đồ của Phật-giáo, mà trong Tông-lâm không ai xét cho. — Đó cũng là một sự khuyết điểm trong cuộc hoằng-hóa-lợi-sanh mà ít người nghĩ đến.

Bởi thế mà quyển « Nghi-thức tụng niệm của người tu tại gia » phải ứng vận ra đời.

.\*

Bảy tám tháng nay, chúng tôi có hứa sẽ xuất bản quyển « Nghi-thức tụng niệm » ấy mà chưa làm thành tập được, là vì mắc lo bài vở cho tạp-chí « Từ-Bi-Âm ».

Sự trẻ nãi đó làm cho nhiều người đạo-tâm, ở xa muốn đặng, đem lòng đợi trông, đến nỗi chưa biết giá mỗi quyển là bao nhiêu, mà dám gửi tiền trước xin thỉnh.

Như trong tháng ba Annam (Avril 1936) có ông Phan-văn-Thành ở Hanoi (xứ Bắc-kỳ) gửi đến 0 \$ 55, và trong tháng tư Annam (Mai 1936) có ông Nguyễn-văn-Lãm và các vị cư-sĩ ở Nam-vang (xứ Cao-mên) gửi đến 50 \$ mà xin thỉnh quyển « **Nghi-thức tụng-niệm** » đó, thì đủ rõ các vị ấy đã biết trước rằng cuốn sách này có giá trị và lợi ích thế nào.

Quả vậy ! — Quyển « **Nghi-thức tụng-niệm** » ấy mới đóng thành tập, thiệt rất hữu-ích cho đời, bất luận người sống hay kẻ chết, đều được nhờ cả.

Quyển sách này gồm đủ các nghi-thức tụng niệm thường dùng trong các chùa mấy trăm năm nay, chỉ có phái Tăng-già được hiểu biết, trước đề tụng niệm trong chùa và sau đề ứng-phó trong mấy đám trai-dàng của Thập-phương Thiện-tín mà thôi.

Trong quyển sách này có hai thứ tiếng : nếu ai muốn tụng đọc theo Hán-văn như trong các chùa lâu nay, thì xem bên « *Diễn âm* » ; còn ai muốn tụng đọc theo tiếng thông thường cho dễ hiểu, thì xem bên « *Diễn nghĩa* ».

Quyển sách này được 110 trương, giá 0 \$ 40 cho thỉnh tại chùa Linh-Sơn ở Saigon, đường Douaumont, số 149. — Còn ai ở xa muốn thỉnh, thì phải gửi thêm 0 \$ 09 để mua cò cạy nhà giấy thép đem đến.

Quyển sách này gồm có 11 nghi-thức : 1<sup>o</sup> Nghi niệm Phật. — 2<sup>o</sup> Nghi tri-tụng. — 3<sup>o</sup> Nghi cầu an. — 4<sup>o</sup> Nghi lâm-chung. — 5<sup>o</sup> Nghi nhập-liệm. — 6<sup>o</sup> Nghi thành-phục. — 7<sup>o</sup> Nghi tống-táng. — 8<sup>o</sup> Nghi an sàng. — 9<sup>o</sup> Nghi lâm tuần. — 10<sup>o</sup> Nghi kỵ cơm. — và 11<sup>o</sup> Nghi thí thực cô hồn.

Những người tu tại gia theo pháp-môn Tịnh-độ của đạo Phật, nên thỉnh mỗi người một quyển « **Nghi-thức tụng niệm** » này để nhà mà dùng, thì khỏi những điều phiền lụy và được nhiều sự phước lợi, không còn những cái nói-g-nổi làm cho mình phải bực lòng như trước nữa.

Tại sao vậy ? — Vì trừ ra trong khi có thiếc đại-trai-dân, thì phải thỉnh vị chứng-minh và sám-chủ bên phái Tăng-già mà thôi ; còn bao nhiêu các tiêu-diễn thường dùng về sự kỳ-siêu cho ông bà cha mẹ, kỳ an cho gia-trạch, và hộ niệm cho bà con quyến thuộc trong lúc lâm-chung hay là tống-táng, thì cứ y theo trong quyển « Nghi-thức tụng niệm » đó, rồi phần ai nấy lo làm lấy việc r ha của mình được cả.

Quyển sách này có nhiều cách tiện-lợi :

*Một là* : Trong khi có việc mà nhà nghèo không tiền thỉnh một vị Tăng-già, hay là vị Tăng-già ở xa, cách bốn năm ngàn thước tây, không thể đi thỉnh được, thì mình dùng nghi-thức này mà tự làm lấy được.

*Hai là* : Nếu mình dùng nghi-thức này mà tự làm cho việc nhà mình, thì có phần mật-thiết hơn là thỉnh thầy, vì những thầy « ứng-phủ » không được mấy ai có lòng thành khẩn mà cầu nguyện cho mình ;

*Ba là* : Những người tu tại gia, hoặc đồng làng, hoặc quen biết, ai ai cũng hiểu được nghi-thức này mà đi tới hộ niệm lẫn nhau ;

*Bốn là* : Mỗi người biết nghi-thức này, thì có thể truyền dạy cho các người trong nhà lớn nhỏ cũng đều biết ;

*Năm là* : Mình dùng nghi-thức này, mà tự làm cho việc mình, thì được mau tiêu rồi, và phần mình cũng được nhờ cái công-dức tụng niệm kinh chú ấy mà thêm lớn căn lành và đặng nhiều quả phước về sau nữa ;

*Sáu là* : Đồng biết với nhau một cách thức, thì đồng làm in nhau một khuôn rập, khỏi phải lờ-mờ như khi trước mà bị chùng ché cười.

Saigon, ngày 10 Juillet 1936

TỪ-BI-ÂM

---

Thơ và mandal gửi thỉnh quyển « Nghi-thức tụng niệm » này, xin đề như vậy :

Monsieur NGUYỄN-VĂN-NHƠN

Chùa Linh-sơn, số 140, đường Douaumont — SAIGON

## Tiếng chuông Phật-giáo

Muốn mong quả phúc tạo vườn nhân,  
Phật-giáo kia chuông cảnh tỉnh mình.  
Sẵn có Bè Từ sang bến giác,  
Thêm nhờ Huống Huệ tỏ rừng kinh.  
Tu theo giới hạnh lên Bồ tát,  
Ra khỏi trầm luân độ chúng-sinh.  
Phát nguyện quy y hồi hướng Phật,  
Quyết trừ tâm độc, dứt vô minh.

Nông-khê LUÔNG-DUYÊN-TUỆ

\*\*\*

### Bài kệ tổng-chung đọc trước mộ vị Ti-khiêu Vô-luật

Trước phần-mộ một vầng cổ áy,  
Chôn Tàng-lâm ai nấy đều thương.  
Cụ xưa cảnh Phật lỗi đường,  
Đem thân khổ hạnh mà nương quê người.  
Muốn đắc-đạo, vậy thời tu phúc,  
Quần chi mình sức vóc già nua !  
Nào khi chuông giống mõ khua ?  
Nào khi sớm tối lên chùa có nhau ?  
Chùa vẫn đó người đâu vắng tiếng,  
Nay gọi là kinh viếng vài nhời.  
Trời lấy non nước tuyệt vời,  
Niết bàn cõi ấy chừng rồi còn chi.  
Đức Di-dà đưa đi Cực-lạc,  
Đề theo đường Đại-giác mà lên.  
Tiện đây đủ mặt Hội-viên,  
Tụng kinh niệm Phật cầu nguyện mấy câu.  
Người đồng-đạo trước sau thương liếc,  
Thương cũng dành, tiếc biết làm sao ?  
Độ sinh nhờ đức dày cao.

CÁT-VĂN-LÂM, Chánh Thư-ký chi hội  
Phật-giáo Sơn-tây

# PHẬT-HỌC TỬ-ĐIỂN TẬP-YÊU

## 佛學辭典輯要

**Bát môn lương-ích** 八門兩益, — Hai cái lợi-ích về tám phép chính-lý-luận của khoa-học nhân-minh (tức là khoa luận-lý 論理 (logique) bây giờ) : 1° **Năng-lập** 能立, là *nhân* 因 (nhân duyên) và *dụ* 喻 (Thí-dụ) đều đầy đủ mà thành ra *tông-nghĩa* (nghĩa chính tông), sinh ra trí tuệ chân-chính cho kẻ khác. 2° **Năng phá** 能破, là xét lấy bề lượng của chỗ sai-lầm của kẻ khác mà mình có thể bài-bác chỗ sai-lầm ấy được, thì gọi là *Hiển quá phá* 顯過破. Hoặc mình tự lập lấy bề lượng mà phá đi, thì gọi là *lập lượng phá* 立量破. 3° **Tự năng-lập** 似能立, là giống như *năng-lập* mà không phải, vì phép này, ba phần *nhân*, *dụ*, và *tông nghĩa* đều có khiếm-khuyết cả, hoặc đều hoàn toàn cả, nhưng những lẽ phò-bày ra đó đều có chỗ sai (33 chỗ sai) và đều ngã vào cái lỗi tự-phụ cả. 4° **Tự năng-phá** 似能破, là giống như *năng-phá* mà không phải, là vì chỗ bề lượng của lẽ kia đã đầy đủ rồi mà mình lại còn bề-vấn bậy bạ vào, và lập ra bề lượng khác để mà phá nó đi. 5° **Hiện lượng** 現量, là lệ như nhơn-thức đối với sắc, nhĩ-thức đối với thanh, định-tâm đối với mọi cảnh-giới, và chỗ tâm theo ngoại-duyên đều hợp với tự-thể của các cảnh-giới ấy. 6° **Tỉ lượng** 比量, là lệ như thấy khói thì biết có lửa, lấy những lẽ về *nhân* và *dụ* đã thành sẵn rồi mà so-xánh mà biết được *tông-nghĩa* của nó. 7° **Tự hiện-lượng** 似現量 là giống như *hiện-lượng* mà không phải, như mắt trông thấy sắc huyền sắc hoàng mà bảo rằng trông thấy cái bình, thế là chỗ tâm theo ngoại-duyên nó phỏng đoán bậy bạ mà không đúng với phần tự-thể của các cảnh-giới. **Tự tỉ-lượng** 似比量 là giống như *lỉ-lượng* mà không phải, là hay đặt bậy ra những « *nhân* » và « *dụ* », sai cả nghĩa chính-tông mà thành cái nghĩa tà-tông. Trong tám phép nhân-minh này có hai thứ lợi-ích về hai phép

*năng-lập, năng-phá* đều có cái ích là bên lập-luận phải-phát-ngôn để khai-ngộ cho bên luận-dịch và cho kẻ chứng nghĩa. Về hai phép *tự năng-lập, tự năng-phá* tuy không có cái ích khiến cho bên luận-dịch khai-ngộ được mà có cái ích khiến cho kẻ chứng-nghĩa dễ hiểu. Thế cho nên bốn phép trên ấy đều gọi là *cái ích ngộ tha* 悟他. Còn bốn phép *hiện-lượng, tỉ-lượng* và *tự hiện-lượng, tự tỉ-lượng* đều do bên lập-luận phát ngôn ra và đặt lấy bề lượng mà đều tự suy nghĩ phân-biệt ở trong trí mình, cách ấy chỉ tự khai-ngộ cho mình được chứ không khai-ngộ cho kẻ khác được, nên gọi là *cái ích tự-ngộ*. Vậy thì bốn phép trên thuộc về ngôn-luận, bốn phép dưới thuộc về suy nghĩ ở trong trí. Cứ lệ thường thì phải *tự-ngộ* trước rồi mới *ngộ tha* được, nhưng phép nhân-minh thì lại cốt vì lợi tha, cho nên đảo lại thứ-tự như thế. Thế cho nên trong sách Nhân-minh-học đã lập thành ra hai câu đề tỏ ra hai thứ lợi-ích ấy : « *Năng-lập, năng-phá* và *tự năng-lập, tự năng-phá* là ngộ-tha. *Hiện-lượng, tỉ-lượng* và *tự hiện-lượng, tự tỉ-lượng* là tự-ngộ 能立與能破, 及似唯悟他. 現量與比量, 及似唯自悟.

**Bát niệm** 八念 — a) Sách Trí-dộ luận 智度論 : Đệ-tử của Phật ở nơi rừng nội vắng vẻ, quán niệm mọi lẽ bất-tịnh và lo cho thân mình, rồi sinh ra kinh sợ, rối loạn. Phật dạy cho tám phép niệm-pháp; nếu ai giữ được tám phép ấy ở trong lòng thì tự trừ bỏ hết được mọi điều sợ hãi. 1<sup>o</sup> Niệm Phật 念佛 tưởng niệm đến Phật, vì Phật có thần lực thiêng liêng vô cùng, bỏ được sự khổ mà ban sự vui cho mình. 2<sup>o</sup> Niệm pháp 念法, tưởng niệm đến pháp, vì pháp có sức rộng lớn, diệt hết được phiền não. 3<sup>o</sup> Niệm tăng 念僧, tưởng niệm đến tăng, vì tăng là đệ tử của Phật và có đủ năm phần pháp thân, làm một nơi phúc-diên vô-thượng của thế-gian. 4<sup>o</sup> Niệm giới 念戒, tưởng-niệm đến giới, vì giới là cái gốc vô-thượng bổ-đề, ngăn cấm mọi sự ác. 5<sup>o</sup> Niệm xả 念捨, tưởng-niệm sự bố-thí sẽ được nhiều công đức và dứt bỏ mọi phiền não mà sinh nhiều trí-tuệ.